

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Bích Liên; Ông Phạm Văn Nhẹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGD ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Chí N**, sinh năm 1977; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 322 N, khu phố B, Phường H, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 21 Lưu Thị Dung, khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Lê Chí N trình bày:* Qua tìm hiểu nhau gần 10 năm, anh và chị Nguyễn Thị T tiến đến hôn nhân từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã G cùng năm. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do không bắt đồng trong tính cách và lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh N, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.*

*Tại phiên tòa:*

- Anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Chị T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Chí N khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị T, có nơi cư trú khu phố M, Phường H, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, anh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh Lê Chí N và chị Nguyễn Thị T sống chung vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính cách và lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, chị T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh N, nhưng chị T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị T đối với anh N đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của chị T và anh N lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh N xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Anh N xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Anh N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Anh N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Lê Chí N phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Chí N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

**Về án phí sơ thẩm:** Anh Lê Chí N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 43611 ngày 03/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, anh N đã nộp xong án phí.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Ủy ban nhân dân Phường H, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Thu Thúy**